| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 699/2024/HC-PT
Ngày: 10/7/2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Khoa

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Hà Văn Hừng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 872/2023/TLPT-HC ngày 11/11/2023, về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2023/HC-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2016/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1976; Địa chỉ: C, khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bà D:* Ông Võ Trọng H, sinh năm 1960; Địa chỉ: G T, I N, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản uỷ quyền ngày 11/7/2023, có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Trương Minh H1; Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản uỷ quyền số 2199/GUQ-CT ngày 03/3/2023, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Hồ Phương B - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần Đ.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Hạp Tiến H2 - Trưởng phòng đền bù (Văn bản uỷ quyền số 30/UQ-TCT ngày 03/8/2023, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Ngọc D là người khởi kiện.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa của người khởi kiện có nội dung như sau:*

Bà Trần Ngọc D yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy Quyết định số 5974/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với bà D.

Lý do: UBND huyện Đ đã ra quyết định cưỡng chế, bà D không đồng ý bởi vì áp giá bồi thường thấp. Khi áp giá bồi thường, UBND huyện không thông báo và tổ chức lấy ý kiến của người dân.

*Tại Công văn số 10081/UBND-TD ngày 09/8/2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ có nội dung trình bày như sau:*

Căn cứ khoản 3, Điều 69 và Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Việc UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5974/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với bà D, đất tọa lạc xã H là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, bởi vì:

Trên cơ sở người có đất bị thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì UBND cấp xã, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tiến hành vận động, thuyết phục người dân (được thể hiện tại biên bản ngày 24/6/2020, Báo cáo số 211/BC-UBND ngày 26/6/2020, Báo cáo số 1062/BC-UBND ngày 10/10/2021 của UBND xã H, Văn bản số 1312/BQLDA ngày 16/7/2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đ).

Ngày 13/6/2022 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 6338/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với bà D. Ngày 14/6/2022 Phòng T tiến hành Công báo và trao Quyết định số 5974/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ, bà D không nhận quyết định nêu trên (có biên bản đính kèm). Cùng ngày 14/6/2022 Phòng T có biên bản niêm yết Quyết định số 5974/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 tại xã H (vị trí đất). Ngày 15/6/2022 và ngày 23/6/2022 Phòng T có biên bản niêm yết Quyết định số 5975/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 tại trụ sở UBND thị trấn Đ (địa chỉ thường trú của bà D).

Ban Thực hiện cưỡng chế có biên bản về việc vận động, thuyết phục, đối thoại đối với 06 hộ dân chấp hành bàn giao mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư - IDICO trên địa bàn xã H vào ngày 04/8/2022, trong đó có hộ bà D.

Ngày 14/8/2022, UBND huyện Đ có ban hành Quyết định số 9817/QĐ-UBND về điều chỉnh thời gian cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất tại

Quyết định số 5974/QĐ-UBND ngày 10/6/2022. Ngày 15/8/2022 Phòng T có biên bản niêm yết Quyết định số 9817/QĐ- UBND ngày 14/8/2022 tại trụ sở UBND xã H.

Ngày 09/9/2022 Ban Thực hiện cưỡng chế có Thông báo số 9575/TB-BCC về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với bà D vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 16/9/2022.

Ngày 12/9/2022 Phòng T có biên bản niêm yết Thông báo số 9574/TB-BCC ngày 12/9/2022 của Ban Thực hiện cưỡng chế về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với 06 hộ dân trong đó có hộ bà D, đất thuộc dự án khu tái định cư I xã H, huyện Đ tại trụ sở UBND xã H và trụ sở UBND thị trấn Đ Hòa.

Về yêu cầu của người khởi kiện, UBND huyện Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại Công văn số 901/TCT-BQLDA ngày 11/8/2023 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đ trình bày nội dung như sau:*

Tổng Công ty Đ và Công ty cổ phần Đ được UBND tỉnh L phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khu tái định cư K tại Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 và phê duyệt điều chỉnh chủ trương dự án tại Quyết định số 4552/QĐ-UBND ngày 14/12/2020.

Ngày 20/01/2017, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND, Quyết định 170/QĐ-UBND; Quyết định số 154/QĐ- UBND, Quyết định 177/QĐ-UBND; Quyết định số 153/QĐ-UBND, Quyết định 176/QĐ-UBND; Quyết định số 152/QĐ-UBND, Quyết định 175/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, phê duyệt bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông Nguyễn Văn H3, bà Trần Ngọc D, bà Nguyễn Dương Thủy H4 và bà Trần Thanh H5.

Ngày 18/01/2022, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 480/QĐ-UBND, Quyết định số 481/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với ông H3, bà H4.

Ngày 10/6/2022, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 5974/QĐ-UBND, Quyết định số 5975/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với bà D, bà H5.

Hiện nay IDICO đã được UBND huyện Đ thực hiện quyết định thu hồi đất, bàn giao mặt bằng 04 hộ dân nêu trên theo quy định để triển khai thi công dự án khu tái định cư Khu công nghiệp H.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2023/HC-ST ngày 05/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:*

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 357, Điều 358, Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 62, Điều 69 và Điều 71 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc D đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số 5974/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với bà Trần Ngọc D.

2. Quyết định số 5974/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2023, người khởi kiện là bà Trần Ngọc D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bà Trần Ngọc D là người khởi kiện và ông Võ Trọng H là người đại diện hợp pháp của bà D không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện vắng mặt tại phiên toà nên không thể hiện ý kiến. Ông Hạp Tiến H2 là người đại diện hợp pháp của Công ty Đ không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà D. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Phần tranh luận các đương sự trình bày như sau:*

1. Bà Trần Ngọc D và ông Võ Trọng H:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, UBND huyện Đ chỉ nộp tài liệu chứng cứ là các văn bản photocopy. Nay bà D yêu cầu phải nộp bản chính.

- Về nội dung: Đất của bà D bị thu hồi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích là đất trồng cây lâu năm. Diện tích đất thu hồi của bà D nằm ngoài diện tích đất mà Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh L phê duyệt. Đây là việc thu hồi đất nhằm mục đích kinh doanh nên Công ty Đ phải trực tiếp thoả thuận với người dân về giá cả bồi thường theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà D, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

2. Ông Hồ Phương B:

Tại Tờ trình số 4658/TTr-UBND ngày 11/11/2016 của UBND tỉnh L đề nghị phê duyệt diện tích 60ha gồm Khu dân cư và Khu tái định cư H. Trên cơ sở tờ trình này, Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân

dân tỉnh L đã phê duyệt 60ha cho 02 dự án này.

Diện tích 9,4ha mà bà D trình bày nằm trong Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 3667/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh L, là chủ trương đầu tư Khu tái định cư của Công ty Đ. Do đó, việc bà D cho rằng diện tích đất thu hồi của bà nằm ngoài diện tích được phê duyệt là không đúng.

Đây là dự án phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt nên phải được bồi thường theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013. Giá bồi thường là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Ông Hạp Tiến H2: Xin bảo lưu toàn bộ ý kiến đã trình bày và được bản án sơ thẩm ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:*

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà D làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về yêu cầu kháng cáo:

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện đã cung cấp được bản chính các văn bản, quyết định liên quan nên thiếu sót này của cấp sơ thẩm đã được khắc phục.

- Về nội dung: Diện tích đất thu hồi của bà D nằm trong tổng diện tích đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt. Đây là dự án phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, do đó giá bồi thường mà UBND huyện ban hành là phù hợp với giá đất tại địa phương và đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trần Ngọc D làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 5974/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Đ được ban hành ngày 10/6/2022 có nội dung cưỡng chế thu hồi đất của bà D (sau đây viết tắt là Quyết định số 5974). Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Bà D khởi kiện yêu cầu huỷ quyết định nêu trên vào ngày

07/10/2022. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Long An thụ lý, xét xử vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về việc xác định tư cách đương sự: Quyết định hành chính bị kiện là Quyết định số 5974 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân dân huyện Đ, đồng thời phần quyết định của Bản án sơ thẩm cũng ghi nhận Quyết định số 5974 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là không chính xác, mà chính xác phải là Chủ tịch Ủy ban nhân dân dân huyện Đ. Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trương Minh H1 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện Đ. Ông H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[5] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện có cung cấp các tài liệu chứng cứ là các quyết định hành chính có liên quan đến đối tượng khởi kiện là Quyết định số 5974, tuy nhiên các quyết định này chỉ là bản photocopy là có thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm người bị kiện đã nộp bổ sung đầy đủ bản chính các quyết định có liên quan. Do đó, thiếu sót này đã được khắc phục.

[6] Về các quyết định hành chính có liên quan:

Tại đơn khởi kiện ban đầu và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà D chỉ yêu cầu huỷ Quyết định số 5974 và Toà án cấp sơ thẩm chỉ xem xét giải quyết đối với quyết định này mà không xem xét giải quyết các quyết định có liên quan là có thiếu sót, không đúng quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính và mục 5 phần V Hướng dẫn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao *"Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện".*

Do đó, Toà án cấp phúc thẩm cần xem xét giải quyết các quyết định có liên quan, gồm: Quyết định thu hồi đất số 154/QĐ-UBND ngày 20/01/2017, Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2017, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5194/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ hai số 3986/QĐ-UBND ngày 31/10/2017.

[7] Xét kháng cáo của bà D và xét các Quyết định số 5974, Quyết định số 154, Quyết định số 177, Quyết định số 5194, Quyết định 3986, nhận thấy:

[7.1] Về trình tự, thủ tục, thẩn quyền ban hành: Quyết định số 5974, Quyết định số 154, Quyết định số 177, Quyết định số 5194, Quyết định 3986 được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo luật định.

[7.2] Về nội dung:

Tại Văn bản số 672/TTg-KTN ngày 26/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện Dự án Khu công nghiệp H.

Ngày 07/12/2016, Hội đồng nhân dân tỉnh L ban hành Nghị quyết số 42/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất và mức vốn ngân sách Nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Long An trong năm 2017. Khu tái định cư - Dân cư IDICO cũng được Hội đồng nhân dân tỉnh L phê duyệt tại tiểu mục 37, mục VI Danh mục kèm theo Nghị quyết số 42 nêu trên. Do đó, có căn cứ để xác định Dự án này thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Đất của bà D bị thu hồi bởi Quyết định số 154 có diện tích 540m$^2$ đã được cấp giấy chứng nhận với mục đích đất trồng cây lâu năm và hoàn toàn nằm trong tổng diện tích đất được phê duyệt bởi Nghị quyết định số 42/NQ-HĐND.

Ngày 20/01/2017, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 177/QĐ-UBND, về việc bồi thường, hỗ trợ do thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà D với số tiền 346.858.617 đồng. Không đồng ý với các quyết định trên, bà D khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND huyện Đ khiếu nại bằng Quyết định 5194/QĐ- UBND ngày 09/6/2017, có nội dung bác đơn khiếu nại của bà D; bà D tiếp tục khiếu nại lần hai đến UBND tỉnh L và Chủ tịch UBND tỉnh L giải quyết bằng Quyết định 3986/QĐ-UBND ngày 31/10/2017, có nội dung bác đơn khiếu nại của bà D, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Đ. Hai quyết định giải quyết khiếu nại này đã có hiệu lực pháp luật.

Do bà D không tự nguyện bàn giao đất, UBND huyện Đ tiến hành vận động bà D bàn giao đất nhiều lần vào các ngày 24/6/2020, 26/6/2020, 16/7/2020 nhưng bà D không chấp hành, nên Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 5974 là đúng quy định tại Điều 62, Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai 2013 và Điều 17 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[8] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy, bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, bà D và người đại diện hợp pháp của bà D không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của bà D là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[9] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Ngọc D. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2023/HC-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 357, Điều 358, Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 62, Điều 69 và Điều 71 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc D, về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 5974/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với bà Trần Ngọc D.

[2] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Ngọc D phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 66 ngày 18/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Bà D đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Ý** **Đỗ Đình Thanh** **Võ Văn Khoa**